

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DDIT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TTC3+P5	7:25	17+2+0	0+0+0		15+2+5	0+0+0	chuyen 2 p8-ttc3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 04/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P8 - TTC3 - P5	CREW: KHOÀN - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/2963		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN SƠN	P8	23	1	10	1	16	64	XÂY LẬP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIỆP	P8	18-19	2	19			73	DVL	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG QUY	P8	07	1	11			73	DVL	Vietnamese
4	TRẦN PHÚC NGUYỄN	P8	20-21	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯƠNG XUÂN QUANG	P8	17	1	18			55	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÀ	P8	800	1	16	1	11	61	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN QUYÊN	P8	24-25	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P8	01-02	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ ĐỨC TÙNG	P8	08-09	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY GIANG	P8	15-16	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN ANH	P8	13-14	2	17			47	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HÙNG	P8	98	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN TÀI	P8	10-11	2	10			75	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU QUÝ DŨNG	P8	04-05	2	15			59	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	12	1	6			78	PSV	Vietnamese
16	HÀ VĂN THIÊN	P8	06	1	7			73	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	P8	03	1	5			72	PSV	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	TTC3	53	1	11	4	34	74	CODIEN	Vietnamese
19	CAO HOÀI THƯƠNG	TTC3	54	1	10			68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	17	1.137	26	239	2	27	15	2	CHUYEN 02 P8-TTC3
2	TTC3	2	142	2	21	4	34	2		
3	P5	0	0	0	0	1	5	5		
TOTAL		19	1.279	28	260	7	66	22		
WEIGHT KG			1.279		260		66			

GRAND TOAL: 1.605 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	11	0		17	0	ec225
2		TD1+CLO+RP2	7:25	11+7+0	0+0+0		8+7+7	0+0+0	chuyen 1 td1-clo
3		TD3	7:25	18	0		22	0	
4		P8	9:25	20	0		22	0	
5		CLO+TD3	9:25	12+1	0+0		16+6	0+0	
6		TD2	11:50	10	0		16	0	ec225
7		TD1+P6+TTC2	11:50	8+0+2	0+0+0		15+1+6	0+0+0	chuyen 1 Td1-P6

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 ng Rp2 về đi P2 ngày sau, 1ng Clo về đi Td1



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:29
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: MTIEN - VTHANG	ETA: 10:40
VSP FLIGHT: 01	VNHS FLIGHT: TM26/2964		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	GONCHAROV SERGEY	TD2	59	1	6	2	26	98	KHOAN	Russian
2	HOANG VAN BAC	TD2						77	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN HUNG HUNG	TD2	65	1	5			96	KHOAN	Vietnamese
4	LE VIET CHIEN	TD2	58	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG NGHIA	TD2	66	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN QUAN	TD2	60	1	7			55	KHOAN	Vietnamese
7	LE XUAN HAI	TD2	64	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VAN HOANG	TD2	57	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TIEN VINH	TD2	61	1	12			85	KHOAN	Vietnamese
10	BASIL TEO SHUNG SAY	TD2	67-68	2	18			85	BAKER HUGHES	Malaysian
11	LE DUY DUC	TD2	62-63	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	11	821	12	80	2	26	17		
TOTAL		11	821	12	80	2	26	17		
WEIGHT KG			821		80		26			

GRAND TOAL: 927 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

HOANG THI THUY

CREW

NGUYEN MINH TIEN

NGO VAN THANG



XN KHOAN & SỬA GIẾNG
GKTN TAM ĐẢO 02
Điện thoại: 6852

Đường bay:
TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày:05/07/2026	Departure	TĐ02	Số hiệu máy bay	619	Giờ cất cánh (VT)	07h30
Chuyến bay: 01	Destination	Vung Tau	Tổ bay		Giờ hạ cánh	

Hành Khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	Kg
1	NGUYỄN THANH TUYỀN	18309	Kíp trưởng	XN Khoan	Viet Nam	1	6	80
2	TÔ HÙNG DŨNG		KS điện	XN Khai Thác	Viet Nam	1	5	71
3	NGUYỄN VĂN HIỀN		KS Ck	XN Khoan	Viet Nam	1	7	60
4	NGUYỄN THANH TÙNG	18347	Phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	6	55
5	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	21028	Phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	4	78
6	DOÃN VĂN HÙNG	PVDO	Phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	1	5	55
7	TRẦN VĂN CHUNG	PVDO	Phụ khoan	XN Khoan	Viet Nam	2	7	65
8	LÊ PHÚ	21384	Thợ nguội	XN Khoan	Viet Nam	1	5	66
9	PHẠM HỮU HUÂN	16367	Ks DD	XN Khoan	Viet Nam	1	10	61
10	GROMOV SERGEY		Đ/c Khoan	XN Khoan	Nga	1	10	78
11	NGUYỄN ĐỨC THỪA THIÊN		Khoan Xiên	Backer hughes	Viet Nam	2	18	70
12	NGUYỄN VĂN THUẬN	18328	xi Măng	XN Khoan	Viet Nam	2	14	75
13	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	21036	xi Măng	XN Khoan	Viet Nam	1	5	79
14	CAO KINH THAO		KS	TTCNTT	Viet Nam	2	23	70
15	LÊ THÀNH THÁI	17045	xi măng	XN Khoan	Viet Nam	1	12	100
16	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG		Đội trưởng	DVL	Viet Nam	1	6	86
17	NGUYỄN THANH HẢI		Đội trưởng	XN Khai Thác	Viet Nam	1	12	80
Σ	17					21	155	1229

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)

Người lập

Nguyễn Văn Hùng

Đại diện gián

Nguyễn Văn Hùng

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	17	1229
Hành lý	21	155
Hàng hóa		0
Tổng cộng	38	1384



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-I	TO: TD1 - CLO - RP2	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/2966	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1				9	160	110	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN NHƯ BẰNG	TD1	31	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	30	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN HÓA	TD1	35	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN DUY	TD1	26	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	29	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
7	HOA XUÂN LUÂN	TD1	32	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	27	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	28	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC LINH	TD1	36	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
11	BÙI NGỌC ĐÔ	TD1	33-34	2	9			69	ANTOAN	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN THƯƠNG	CLO	84	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	82	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	85	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THẾ NĂNG	CLO	83	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ VĂN LONG	CLO						72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	80	1	4			56	KHOAN	Vietnamese
18	BÙI QUỐC GIA	CLO	81	1	3			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	11	807	11	60	9	160	841		CHUYEN 1 PAX TD1-CLO
2	CLO	7	478	6	30	0	0	7		
3	RP2	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		18	1.285	17	90	9	160	22		
WEIGHT KG			1.285		90		160			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lại cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: TD3	CREW: DUONG - N.ANH - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM26/2970		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	03	1	7	5	80	66	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG MINH TOAN	TD3	04	1	8			58	KHOAN	Vietnamese
3	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3						89	KHOAN	Vietnamese
4	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	06	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH THOẠI	TD3	09	1	7			92	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CHÍ QUÝ	TD3	05	1	13			72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	10	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	08	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ QUANG HIẾU	TD3	98	1	6			117	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	02	1	5			91	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN SƠN HẢI	TD3	96	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIẾN CHUNG	TD3	95	1	3			91	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIÊN	TD3	94	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	07	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÌNH VIỆT DŨNG	TD3	01	1	6			59	DVL	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD3	99,200	2	12			59	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TÁT LỘC	TD3	97	1	3			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	17	1.304	17	105	5	80	22		
TOTAL		17	1.304	17	105	5	80	22		
WEIGHT KG			1.304		105		80			

GRAND TOAL: 1.489 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
B.CARD: XANH-2	TO: P8	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - MQUẢN	ETA: 11:20
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/2967	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	P8	95	1	2			63	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TINH	P8	79	1	12			71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY LINH	P8	97	1	7			95	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC DỤC	P8	77	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TOÀN	P8	88	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ THANH NGỌC	P8	94	1	9			50	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THẾ CHINH	P8	26	1	11	2	30	54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	P8	80-81	2	12			76	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P8	78	1	3			84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TẮT THÀNH	P8	96	1	8			57	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BÌNH	P8	91	1	7	2	19	73	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VĂN THANH	P8	87	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ ĐỨC THÀNH	P8	500	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P8	98-99	2	14			81	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ XUÂN CHÍNH	P8	84	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ VĂN TRUNG	P8	85	1	15	1	8	73	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ THANH BÌNH	P8	76	1	15			58	XAYLAP	Vietnamese
18	BÙI CÔNG HÙNG	P8	82-83	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
19	DOAN MINH HUONG	P8	89-90	2	10			60	DVL	Vietnamese
20	BÙI KHẮC THỦY	P8	74-75	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	20	1.353	25	196	5	57	22		
TOTAL		20	1.353	25	196	5	57	22		
WEIGHT KG			1.353		196		57			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHAN NHƯ' CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: CLO - TD3	CREW: DUONG - N.ANH - TOAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05	VNHS FLIGHT: TM26/2971		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM MẠNH HÙNG	CLO	51-52	2	10			61	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	50	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HÀ VÂN	CLO	63	1	6			90	KHOAN	Vietnamese
4	HUỶNH ÁI HỮU	CLO	56	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐĂNG KHÔI	CLO	58	1	11			91	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ MẠNH THẮNG	CLO	55	1	4	3	55	66	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC TÀI	CLO	60	1	7			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN HÀM HÀ	CLO	61-62	2	10	2	15	64	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	CLO	54	1	6			104	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TRÍ	CLO	59	1	6			77	PSV	Vietnamese
11	NGÔ THẾ ANH	CLO	57	1	5			65	PSV	Vietnamese
12	TRIỆU MINH HỒNG	CLO	53	1	4			66	PSV	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH DŨNG	TD3	86-87	2	8			52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	12	915	14	83	5	70	16		
2	TD3	1	52	2	8	0	0	6		
TOTAL		13	967	16	91	5	70	22		
WEIGHT KG			967		91		70			

GRAND TOAL: 1.128 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:00
B.CARD: XANH-2	TO: TD2	CREW: HHAI - VLINH	ETA: 15:10
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/2965	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD2	79-80	2	18			61	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN CAO TUẤN	TD2				3	29	65	CODIEN	Vietnamese
3	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD2	76	1	16			84	DVL	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN YÊN	TD2	74	1	13			66	DVL	Vietnamese
5	PHAN VĂN TRƯỜNG	TD2	82	1	14			71	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NAM	TD2	83-84	2	18			72	DVL	Vietnamese
7	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	72	1	9			63	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY LONG	TD2	75	1	5			52	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THU TRANG	TD2	81	1	10			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	9	608	10	103	3	29	16		
TOTAL		9	608	10	103	3	29	16		
WEIGHT KG			608		103		29			

GRAND TOAL: 740 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐỖ HOÀNG HẢI
TRỊNH VINH LINH

☐
☒

XN KHOAN & SỬA GIẾNG
GKTN TAM ĐẢO 02
Điện thoại: 1992

Đường bay:
TD2

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Ngày:05/07/2026	Departure	TĐ02	Số hiệu máy bay		Giờ cất cánh (VT)	.12:00
Chuyến bay: 02	Destination	Vung Tau	Tổ bay		Giờ hạ cánh	

Hành Khách

STT	Tên hành khách	Hộ chiếu/ CMND	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Trần Đại Hùng		Khí	ĐVL	Viet Nam	1	4	70
2	Nguyễn Vũ Bá Linh		Phụ bếp	Petrosetco	Viet Nam	1	5	68
3	Trần Trung Nam		Phụ bếp	Petrosetco	Viet Nam	1	5	60
4	Trần Quang Việt		KS	Mermaid	Viet Nam	2	13	78
5	Đào Ngân Lâm		KS	Mermaid	Viet Nam	2	17	67
6	Bùi Văn Chính		KS	Mermaid	Viet Nam	1	9	78
7	Trần Tuấn Dũng		Chống ống	PVDWS	Viet Nam	1	15	77
8	Timothy Chullo Anak		Chống ống	PVDWS	Viet Nam	1	14	57
9	Trần Văn Hoàn		Chống ống	PVDWS	Viet Nam	2	13	64
10	Nguyễn Văn Duẩn		Chống ống	PVDWS	Viet Nam	1	13	70
11	Nguyễn Xuân Anh		Phụ bếp	petrosetco	Viet Nam	1	10	73
12	Nguyễn Ngọc Định		Coitupin	XNKT	Viet Nam	1	12	85
13	Nguyễn Văn Cường		Coitupin	XNKT	Viet Nam	2	18	80
14	Vũ Văn Giang		Coitupin	XNKT	Viet Nam	1	11	70
Σ	14					18	159	997

Hàng hóa

STT	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số kiện	Trọng lượng (Kg)
1				
2				

Người lập

Đại diện giàn

Phi công trưởng

Mô tả	S.L.	Trọng lượng
Hành khách	14	997
Hành lý	18	159
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	32	1156



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 05/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD1 - P6 - TTC2	CREW: DUONG - MTHAO - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/2972	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VÕ TÁ HOÀNG ANH	TD1	35	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM DINH BAO	TD1	34	1	8	1	18	72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN VỊNH	TD1	36	1	17			93	DVL	Vietnamese
4	LÊ HỮU LƯƠNG	TD1	37	1	14			79	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH BẰNG	TD1	29	1	4			86	PSV	Vietnamese
6	HOÀNG NGỌC KHÁNH	TD1	30-31	2	7			74	PSV	Vietnamese
7	ĐẬU VIỆT BẮC	TD1	33	1	4			75	PSV	Vietnamese
8	DANG VAN THỨC	TD1	32	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC ANH	TTC2	65-66	2	19	3	30	90	ANTOAN	Vietnamese
10	PHAN VĂN CHUNG	TTC2	18-19	2	15			81	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	8	625	9	70	1	18	15	1	CHUYEN 1 PAX TD1-P6
2	P6	0	0	0	0	3	55	1		
3	TTC2	2	171	4	34	3	30	6		
TOTAL		10	796	13	104	7	103	22		
WEIGHT KG			796		104		103			

GRAND TOAL: 1.003 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DUONG

MAI VĂN THAO

